

Số: 544/BC-STC

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hiện hành hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2273/QĐ-BTC ngày 07/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ 3 về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Sở Tài chính trân trọng báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2022, như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước: (Có Biểu số 60/CK-NSNN kèm theo)

1.1. Tổng thu NSNN trên địa bàn: 1.850.200 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu nội địa: 1.809.217 triệu đồng.

1.2. Ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 1.648.936 triệu đồng.

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh 9 tháng năm 2022 đạt 66,5% dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 46,2% mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra, đạt 34,9% mục tiêu thu NSNN đến năm 2025 tại Quyết định số 368/QĐ-UBND; Thu nội địa đạt 67,0% dự toán, trong đó thu NSĐP được hưởng theo phân cấp ước đạt 68,3% dự toán.

Một số khoản thu đảm bảo tiến độ thu trong 9 tháng năm 2022 như: Thuế Thu nhập cá nhân; Thu phí, lệ phí; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thu tiền sử dụng đất; Thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản.

Một số khoản thu chưa đạt tốc độ bình quân thực hiện dự toán như: Thu từ khu vực DNNN; Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài; Thuế bảo vệ môi trường; Thu từ lệ phí trước bạ; Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Thu khác ngân sách.

2. Chi ngân sách: (Có Biểu số 61/CK-NSNN kèm theo)

*** Tổng chi ngân sách: : 7.831.914 triệu đồng.**

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển : 1.615.120 triệu đồng.
- Chi thường xuyên : 3.831.279 triệu đồng.
- Chi từ nguồn BSMT NSTW cho NSDP: 2.288.831 triệu đồng.

Chi đầu tư phát triển: Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2022, tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021, tỉnh Tuyên Quang tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, đơn vị và các huyện, thành phố triển khai tổ chức thực hiện ngay từ đầu năm, đồng thời tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và tiến độ giải ngân vốn đầu tư năm 2022. Thực hiện chi chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 đối với nguồn vốn đầu tư thực hiện các chương trình, dự án theo đúng quy định và tập trung thanh toán vốn kéo dài ngay từ đầu năm.

Chi thường xuyên: Về cơ bản ngân sách địa phương đáp ứng đầy đủ các nội dung chi đã được bố trí trong dự toán được duyệt cho các cơ quan, đơn vị, đảm bảo đầy đủ các khoản chi lương, phụ cấp, chi thường xuyên theo định mức tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao ngay trong dự toán đầu năm cho các huyện, thành phố kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội để các đơn vị, các huyện, thành phố chủ động thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn đảm bảo kịp thời, chặt chẽ và đúng quy định. Quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên ngay từ khi giao dự toán chi cho các cơ quan, đơn vị để tạo nguồn cải cách tiền lương.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2022. Sở Tài chính trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận: *B*

- Như trên (Báo cáo);
- Công báo Tuyên Quang (Công khai);
- Website Sở Tài chính (Công khai);
- Lưu: VT, QLNS (Th).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 5HH/BC-STC ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (Triệu đồng)	THỰC HIỆN 9 THÁNG (Triệu đồng)	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.784.000	1.850.200	66,5%	104,4%
I	Thu cân đối NSNN	2.784.000	1.850.200	66,5%	104,4%
1	Thu nội địa	2.700.000	1.809.217	67,0%	106,0%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	84.000	33.510	39,9%	69,2%
4	Thu viện trợ		1.501		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	10.933.141	7.831.914	71,6%	112,0%
I	Chi cân đối NSDP	8.065.820	5.543.083	68,7%	95,3%
1	Chi đầu tư phát triển	1.340.976	1.615.120	120,4%	74,0%
2	Chi thường xuyên	6.566.840	3.831.279	58,3%	108,8%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.546	518	33,5%	103,7%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200			
5	Dự phòng ngân sách	155.258	96.166	61,9%	88,0%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.867.321	2.288.831	79,8%	193,8%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	20.200			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	5.900	2.879	48,8%	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 514/BC-STC ngày 15 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (Triệu đồng)	THỰC HIỆN 9 THÁNG (Triệu đồng)	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.784.000	1.850.200	66,5%	104,4%
I	Thu nội địa	2.700.000	1.809.217	67,0%	106,0%
1	Thu từ khu vực DNNN	390.000	265.755	68,1%	110,4%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	40.000	17.089	42,7%	56,1%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	704.000	451.970	64,2%	96,1%
4	Thuế thu nhập cá nhân	100.000	95.125	95,1%	112,0%
5	Thuế bảo vệ môi trường	350.000	221.294	63,2%	104,4%
6	Lệ phí trước bạ	162.000	101.628	62,7%	90,0%
7	Thu phí, lệ phí	67.000	63.501	94,8%	111,6%
8	Các khoản thu về nhà, đất	696.500	469.047	67,3%	125,7%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	1.500	2.707	180,4%	174,7%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	500.000	376.899	75,4%	127,1%
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	195.000	89.442	45,9%	119,6%
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	65.000	45.617	70,2%	87,4%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	2.147	107,3%	93,3%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	20.000	15.110	75,5%	102,0%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	3.500	3.717	106,2%	110,8%
13	Thu khác ngân sách	100.000	57.217	57,2%	109,2%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	84.000	33.510	39,9%	69,2%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu		30.546		
2	Thuế xuất khẩu		2.060		
3	Thuế nhập khẩu		890		
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		1		
6	Thu khác		14		
IV	Thu viện trợ		1.501		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	2.416.000	1.648.936	68,3%	107,7%
1	Từ các khoản thu phân chia		880.004		
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%		768.932		

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 54/H/BC-STC ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (Triệu đồng)	THỰC HIỆN 9 THÁNG (Triệu đồng)	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	10.933.141	7.831.914	71,6%	112,0%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	8.065.820	5.543.083	68,7%	95,3%
I	Chi đầu tư phát triển	1.340.976	1.615.120	120,4%	74,0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.187.497	1.566.730	131,9%	72,1%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		5.700		
3	Chi đầu tư phát triển khác	153.479	42.689	27,8%	798,5%
II	Chi thường xuyên	6.566.840	3.831.279	58,3%	108,8%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.839.158	1.729.561	60,9%	108,5%
2	Chi khoa học và công nghệ	16.909	6.477	38,3%	104,8%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	639.469	462.857	72,4%	104,0%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	82.306	66.584	80,9%	121,2%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	44.351	31.328	70,6%	100,2%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	13.284	13.759	103,6%	217,4%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	122.865	54.914	44,7%	101,7%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	934.116	150.975	16,2%	174,4%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.399.022	926.271	66,2%	99,4%
10	Chi bảo đảm xã hội	294.156	253.685	86,2%	144,5%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.546	518	33,5%	103,7%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200			
V	Dự phòng ngân sách	155.258	96.166	61,9%	88,0%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.867.321	2.288.831	79,8%	193,8%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	2.768.000	2.244.086	81,1%	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	99.321	44.745	45,1%	